

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14 tháng 6 năm 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Viết Chấn.
2. Bà Hoàng Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2019/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019.

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Hiếu H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: T 5, thị trấn A, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Xuân T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: T 5, thị trấn A, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Phan Thị Hiếu H trình bày:*

Tôi với anh Trần Xuân T yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22/3/2005. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 31, Quyền số 01/2005. Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung là:

1/ Trần Phan Tường V. Sinh ngày 19/4/2006.

2/ Trần Phan Thảo T. Sinh ngày 02/4/2011.

Và tạo lập được tài sản chung và có nợ chung nhất định.

Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh T không tin tưởng và tôn trọng tôi, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh T thường xuyên ghen tuông vô cớ dẫn đến mâu thuẫn ngày một trầm trọng.

Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn xin ly hôn với nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Trần Xuân T.

Về con chung: Tôi có nguyện vọng nuôi 02 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và anh Trần Xuân T tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2019 và tại các biên bản hòa giải, bị đơn anh Trần Xuân T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân và con chung tôi thừa nhận chị Phan Thị Hiếu H trình bày là có thật, tôi không bổ sung gì thêm.

Theo tôi nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng do đặc thù công việc của mỗi người, bản thân tôi làm nghề nuôi Ong nên thường đi làm ăn xa đi làm xa, thời gian gần đây công việc của tôi không được trôi chảy nên phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, thường hay cãi vã nhau lời qua tiếng lại với nhau.

Nay chị Phan Thị Hiếu H làm đơn xin ly hôn tôi, tôi có nguyện vọng: Hiện nay các con chung còn nhỏ và năm nay con gái đầu lòng đang chuẩn bị vào lớp 8 tôi không muốn làm ảnh hưởng đến việc học hành của cháu nên tôi có đề nghị được đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Trong trường hợp bà H cương quyết ly hôn thì tôi có nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi thuận tình ly hôn với bà Phan Thị Hiếu H.

Về con chung: Tôi yêu cầu được nuôi 01 con chung, cháu nào cũng được tùy thuộc vào Tòa án quyết định.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phan Thị Hiếu H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Trần Xuân T giữ nguyên ý kiến, nguyện vọng và yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc trình bày quan điểm đối với việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng như sau:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (BLTTDS).

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là chị Phan Thị Hiếu H và bị đơn Trần Xuân T đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 212, Điều 246 BLTTDS;

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82, 83, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Hiếu H.

+ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Phan Thị Hiếu H và anh Trần Xuân T.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là: Trần Phan Tường V, sinh ngày 19/4/2006 và cháu Trần Phan Thảo T, sinh ngày 02/04/2011 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh T cấp dưỡng nuôi cháu Trần Phan Thảo T đến khi cháu được 18 tuổi với số tiền cấp dưỡng là 2.000.000^d/tháng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Phan Thị Hiếu H đề ngày 06/3/2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm chị Phan Thị Hiếu H làm đơn khởi kiện, bị đơn anh Trần Xuân T cư trú tại tổ dân phố 5, thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về chấp hành quy định pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 BLTTDS.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Hiếu H và anh Trần Xuân T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị

trần A, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22/3/2005. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 31, Quyền số 01/2005. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Các bên đương sự thừa nhận mâu thuẫn gia đình thật sự tồn tại. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, nên mặc dù sống còn sống chung một nhà nhưng hiện tại vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên chị H và anh T đều có nguyện vọng xin được ly hôn. Việc chị H và anh T thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án cần áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, ghi nhận việc thuận tình ly hôn của các bên đương sự.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị H và anh T có 2 con chung. Chị H có nguyện vọng nuôi hai con chung và anh T có nguyện vọng nuôi 01 con chung. Tuy nhiên, căn cứ vào nguyện vọng của hai con chung đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ là chị Phan Thị Hiếu H. Tòa án thấy rằng hiện tại chị H đang là nhân viên trường học, còn anh T làm nghề nuôi Ong. Như vậy, cả chị H và anh T đều có thu nhập ổn định, có đầy đủ mọi điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi dưỡng sau khi bố mẹ ly hôn cần phải đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu, hiện nay bản thân các con chung đang còn nhỏ, giới tính nữ lại đang độ tuổi phát triển tâm sinh lý nên cần sự quan tâm chăm sóc, giáo dục đặc biệt của người mẹ. Hơn nữa bản thân anh T làm nghề nuôi Ong nên thường xuyên phải di chuyển ở những địa phương khác nhau nên nếu giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao các con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc các con chung tròn 18 tuổi là phù hợp với hoàn cảnh thực tế và quy định của pháp luật.

Trao cho anh Trần Xuân T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Phan Thị Hiếu H yêu cầu anh Trần Xuân T cấp dưỡng tiền nuôi con chung 3.000.000 đồng/1 tháng. Tòa án nhận thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình cũng quy định mức cấp dưỡng phải căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng.

Đối với cháu Trần Phan Tường V, sinh ngày 19/4/2006: Căn cứ biên bản hòa giải và biên bản ghi lời khai thì chị H có công việc ổn định với mức thu nhập trên 4.000.000^d/tháng nên chị có thể tự nuôi cháu V đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Đối với cháu Trần Phan Thảo T, sinh ngày 02/4/2011: Căn cứ vào biên bản hòa giải và biên bản lấy lời khai, anh Trần Xuân T thừa nhận làm nghề nuôi Ong với mức thu nhập trung bình mỗi tháng là 10.000.000 đồng. Do vậy, cần

chấp nhận một phần yêu cầu của chị H, buộc anh T cấp dưỡng nuôi cháu T là 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho tới lúc cháu T tròn 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng là ngày 25 hàng tháng là có căn cứ phù hợp với Khoản 2 Điều 82, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cả chị Phan Thị Hiếu H và anh Trần Xuân T đều không yêu cầu, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K , tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Phan Thị Hiếu H và anh Trần Xuân T.

Về con chung: Giao các con chung Trần Phan Tường V, sinh ngày 19/4/2006 và cháu Trần Phan Thảo T, sinh ngày 02/4/2011 cho chị Phan Thị Hiếu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V và cháu T tròn 18 tuổi.

Anh Trần Xuân T được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Buộc anh Trần Xuân T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Trần Phan Thảo T 2.000.000đ/01tháng. Thời gian cấp dưỡng; kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trúc tròn 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng: Vào ngày 25 hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị Hiếu H và anh Trần Xuân T không yêu cầu nên, không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Phan Thị Hiếu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0011088, ngày 06/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Anh Trần Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện K;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND TT. A;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thanh Hà đã ký